

NỘI DUNG KIỂM TRA CUỐI KỲ I - ANH 7**UNIT 1 , 2, 3, 4, 5, 6, 7**

NỘI DUNG	TỈ LỆ PHẦN TRĂM
- Pronounced	5%
- Stress	5%
- Multiple Choice : 1. Vocabulary 2. Prepositions 3. Conjunctions / connectors 4. Speaking – conversation 5. Signs - warnings	25%
- Word form	10%
- Make question: How often and What	10%
- Rearrange the word or phrase	10%
- Read the passage	25%
- Rewrite the sentences 1. Enjoy = interested in + V- ing 2. What about + V-ing ...? = Let + V_{bare} = Why don't we + V_{bare}? = Would you like + to V ...?	10%

Câu 1: Em hãy cho biết **nhịp lấy đà** có trong bài hát nào ?

A. Mái trường mến yêu

B. Lý cây đa

C. Tiếng chuông và ngọn cờ

D. Hành khúc tới trường

Câu 2 : Câu hát: ***“như thời gian êm đềm theo tháng năm”*** có trong bài nào dưới đây?

A. Mái trường mến yêu

B. Lí cây đa

C. Tiếng chuông và ngọn cờ

D. Lí kéo chài

Câu 3: Em hãy điền từ còn thiếu để điền vào câu hát sau: ***Vì hạnh phúc (1).....(2)..... thêm sức sống..***

A. Đang hát/ âm thầm

B. Tuổi thơ/ và cho đời

C. Tuổi thơ/ đang hát

D. Của em/ và cho đời

Câu 4: Em hãy cho biết nhịp 4/4 có trong bài hát nào ?

A. Mái trường mến yêu.

B. Lý cây đa.

C. Ngày đầu tiên đi học.

D. Tia nắng hạt mưa.

Câu 5: Câu hát: ***“tương lai đang đón chờ tay em”*** có trong bài nào?

A. Mái trường mến yêu

B. Lí cây đa

C. TĐN số 1 – Ca ngợi Tổ quốc

D. TĐN số 2 – Ánh trăng.

Câu 6: Nhịp lấy đà được đặt ở đâu?

A. Giữa bản nhạc

B. Đầu bản nhạc

C. Cuối bản nhạc

D. Bất cứ ô nhịp nào

Câu 7: Câu hát “Là tôi lí ời a cây đa là tôi lối í a cây đa” có trong bài hát nào?

A. Mái trường mến yêu

B. Lí cây đa

C. TĐN số 1 – Ca ngợi Tổ quốc

D. TĐN số 2 – Ánh trăng.

Câu 8: Bài hát Mái trường mến yêu là sáng tác của ai?

A. Lê Quốc Thắng

B. Văn Cao

C. Lưu Hữu Phước

D. Mộng Lân

Câu 9: Bài hát Mái trường mến yêu được viết ở nhịp mấy?

A. 2/4

B. $\frac{3}{4}$

C. 4/4

D. 2/2

Câu 10: Bài TĐN số 1 là sáng tác của ai?

A. Việt Anh

B. Hoàng Vân

C. Phạm Tuyên

D. Mộng Lân

Câu 11: Hình nốt nào có trong bài TĐN số 1?

A. Nốt trắng

B. Nốt đen

C. Nốt móc đơn

D. Cả 3

Câu 12: Bài hát Lý cây đa là bài hát dân ca gì?

A. Thanh Hóa

B. Quan họ Bắc Ninh

C. Quảng Nam

D. Nam Bộ

Câu 13: Bài hát Lý cây đa được viết ở nhịp mấy?

A. 2/4

B. $\frac{3}{4}$

C. 4/4

D. 2/2

Câu 14: Bài hát Lý cây đa có sử dụng các hình nốt nào?

A. Nốt đen, nốt trắng, nốt móc kép

B. Nốt móc đơn, nốt móc đơn chêm đôi

C. a và b đúng

D. a và b Sai

Câu 15: Nhịp 4/4 là nhịp có (1)...., mỗi phách có giá trị bằng (2)..... Phách 1 mạnh, phách 2 nhẹ, phách 3 mạnh vừa, phách 4 nhẹ.

A. 4 phách / 1 nốt đơn

B. 4 phách / 1 nốt đen

C. 4 phách / 0.5 nốt đen

D. 4 phách / 1.5 nốt đen

Câu 16: Bài TĐN số 2 chia làm mấy câu?

A. 2 câu

B. 3 câu

C. 4 câu

D. 5 câu

Câu 17: Bài Mái Trường Mến Yêu chia làm mấy câu?

A. 2 câu

B. 4 câu

C. 6 câu

D. 8 câu

Câu 18: Bài TĐN số 1 chia làm mấy câu?

A. 2 câu

B. 3 câu

C. 4 câu

D. 5 câu

Câu 19: Bài Lý Cây Đa chia làm mấy đoạn?

A. 4 đoạn

B. 3 câu

C. 2 đoạn

D. 1 đoạn

Câu 20: Bài TĐN số 1 có những kí hiệu thường gặp nào?

A. Dấu luyện, dấu nối, dấu nhắc lại.

B. Dấu luyện, dấu nối.

C. Không có kí hiệu thường gặp

D. Dấu nối, dấu nhắc lại.

Câu 21: Bài hát Chúng em cần hòa bình,Viết ở nhịp:

A.2/4

B.3/4

C.4/4

D.6/8

Câu 22: Bài hát Khúc hát chim sơn ca được chia thành:

A.2 đoạn

B.3 đoạn

C.4 đoạn

D.5 đoạn

Câu 23: Nội dung bài hát Chúng em cần hòa bình là:

A. Bài hát nói lên ước vọng của tuổi thơ mong muốn được sống trong cuộc sống yên vui và đầy tình thân ái.

B. Bài hát nói lên những ngày cấp sách đến trường với những ước mơ hoài bão tươi đẹp.

C. Bài hát nói lên tình cảm của các em học sinh dành cho thầy cô giáo, những người đã dạy bảo, dìu dắt các em đến những ước mơ hoài bão tươi đẹp.

D. Bài hát nói lên ước vọng của tuổi thơ mong muốn được sống trong cuộc sống yên vui.

Câu 24: Hãy điền những từ còn thiếu vào chỗ trống trong câu hát sau: Trèo lên quán dốc.....rằng tôi lí ời a cây đa rằng tôi.....

A. Ngồi gốc í a cây đa- lí ời a cây đa

B. Ngồi gốc ời a cây đa- lí ời a cây đa

C. Ngồi gốc ời a cây đa- lí ời a cây đa

D. Ngồi gốc ôi a cây đa- lí ời a cây đa

Câu 25: Bài hát Chúng em cần hòa bình, sử dụng kí hiệu âm nhạc:

A. Dấu luyến, dấu nhắc lại, khung thay đổi.

B. Dấu nối, dấu nhắc lại, khung thay đổi.

C. Dấu nối, dấu quay lại, khung thay đổi.

D. Dấu nối, dấu quay lại, khung thay đổi, dấu luyến.

Câu 26: Nhạc sĩ Hoàng Long- Hoàng Long, sinh ngày:

A. 18/6/1942

B. 18/6/1943

C. 18/6/1944

D. 18/6/1945

Câu 27: Nhạc sĩ Đỗ Hòa An tên thật là:

A. Nguyễn Văn Đồng

B. Đỗ Văn Đồng

C. Lê Văn Đồng

D. Trần Văn Đồng

Câu 28: Bài hát Lí cây đa ,viết ở nhịp:

A.2/4

B.3/4

C.4/4

D.2/2

Câu 29: Bài TĐN số 2,là nhạc của:

A.Italia

B.Pháp

C.Balan

D.Anh

Câu 30: Bài TĐN số 3 viết ở nhịp:

A.2/4

B.3/4

C.4/4

D.6/8

Câu 31: Bài TĐN số 4,có nhịp lấy đà ở phách:

A.Phách 3 và phách 4

B.Phách 2 và phách 3

C.Phách 1 và phách 2

D.Không có nhịp lấy đà.

Câu 32: Trường độ sử dụng trong bài TĐN số 1,là:

A. Nốt móc kép,nốt đen,nốt trắng.

B. Nốt móc đơn,nốt đen,nốt trắng.

C. Nốt móc đơn,nốt đen,nốt tròn.

D. Nốt móc đơn,nốt đen,nốt tròn,lặng đơn.

Câu 33: Cao độ sử dụng trong bài TĐN số 2,là:

A. Sòn-Là-Sì-Rê-Mi.

B. Sòn-Là-Sì-Đô-Rê.

C. Sòn-Là-Sì-Đồ-Rê-Mi.

D. Sòn-Là-Sì-Đô-Rê,La.

Câu 34.Bài Tập đọc nhạc số 5: Em là bông hồng nhỏ,tác giả là:

A. Việt Anh

B. Hoàng Vân

C. Trịnh Công Sơn

D. Mộng Lân

Câu 35. Cao độ sử dụng trong bài Tập đọc nhạc số 5: Em là bông hồng nhỏ, là:

A.Rê-Mi-Pha-Pha thăng-Son-La-Đồ-Rê-Mí.

B. Rê-Pha-Pha thăng-Son-La-Đồ-Rê-Mí.

B. Rê-Mi-Pha-Pha thăng-Son-La-Đồ-Rê.

D. Rê-Mi-Pha-Son-La-Đồ-Rê-Mí.

ĐÁP ÁN

1. B	2. A	3. B	4. A	5. C	6. B	7. B	8. A	9. B	10. B
11. D	12. B	13. A	14. C	15. B	16. A	17. C	18. A	19. D	20. C
21.A	22.A	23.A	24.C	25.B	26.A	27.B	28.A	29.B	30.C
31.A	32.A	33.C	34.C	35.A					

TRƯỜNG THCS CỬU LONG

NHÓM: CÔNG NGHỆ

GỢI Ý ÔN TẬP HỌC KỲ 1 - CÔNG NGHỆ 7

Năm học: 2021-2022

Nội dung	Tỉ lệ %
Nội dung : Trắc nghiệm (gồm 25 câu) -Phần Đất trồng: Gồm bài 2, 3, 6 -Phần Phân bón: bài 7, 9 - Phần Sâu bệnh hại: bài 12, 13 *Lưu ý: Phần giảm tải không cho làm kiểm tra.	100 %

Bình Thạnh, Ngày 09 tháng 12 năm 2021

Trần Thị Huệ

UBND QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
CỬU LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GỢI Ý ÔN TẬP CUỐI KÌ I - NĂM HỌC 2021-2022
MÔN MĨ THUẬT

K7	Thể loại vẽ tranh	
	Nội dung 1: Tìm bố cục	20%
	Nội dung 2: Vẽ hình	30%
	Nội dung 3: Vẽ màu	50%

NỘI DUNG KIỂM TRA HỌC KÌ I

MÔN: ĐỊA LÍ 7

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TỈ LỆ</u>
BÀI 2: SỰ PHÂN BỐ DÂN CƯ, CÁC CHUNG TỘC TRÊN THẾ GIỚI 1. Sự phân bố dân cư - Dân cư trên thế giới phân bố không đồng đều. + Tập trung đông ở những đồng bằng, những đô thị, những nơi có khí hậu tốt... + Dân cư thưa thớt: vùng núi, vùng sâu, vùng cực giá lạnh hoặc hoang mạc... 2. Các chủng tộc - Dân cư thế giới thuộc 3 chủng tộc chính: + Mônggôlôit: Chủ yếu ở Châu Á. + Ôrôpêôit: Chủ yếu ở Châu Âu. + Nêgrôit: Chủ yếu ở Châu Phi. - Cùng với sự phát triển của xã hội loài người, các chủng tộc đã dần dần chung sống khắp mọi nơi trên Trái đất.	20%
Bài 7: MÔI TRƯỜNG NHIỆT ĐỚI GIÓ MÙA 1. Khí hậu - Nam Á và Đông Nam Á là hai khu vực điển hình của môi trường nhiệt đới gió mùa. - Khí hậu có 2 điểm nổi bật là nhiệt độ và lượng mưa thay đổi theo mùa gió và thời tiết diễn biến thất thường. 2. Các đặc điểm khác của môi trường - Môi trường nhiệt đới gió mùa là môi trường đa dạng và phong phú nhất trong đới nóng. - Là nơi tập trung đông dân nhất trên thế giới vì là nơi thích hợp với nhiều loại cây lương thực và cây công nghiệp nhiệt đới.	20%
BÀI 10 DÂN SỐ VÀ SỨC ÉP DÂN SỐ TỚI TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG Ở ĐỚI NÓNG 1 . Dân số - Chiếm gần 50 % dân số thế giới.	20%

- Tập trung đông : Đông Nam Á , Nam Á , Tây Phi - Bùng nổ dân số gay khó khăn cho phát triển kinh tế và đời sống. 2 . Sức ép của của dân số tới tài nguyên , môi trường - Dân số tăng nhanh làm cho đời sống khó cải thiện, làm cho tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt do khai thác quá mức, làm cho môi trường bị tàn phá. - Cần phải: + Giảm tỉ lệ gia tăng dân số. + Tăng cường phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân.	
BÀI 19 MÔI TRƯỜNG HOANG MẠC 1 . Đặc điểm của môi trường + Phân bố: - Chiếm gần 1/3 diện tích đất nổi. - Chủ yếu nằm dọc theo hai đường chí tuyến, sâu trong nội địa, gần hải lưu lạnh. + Khí hậu: - Rất khô hạn và khắc nghiệt. - Sự chênh lệch nhiệt độ rất lớn. - Cảnh quan chủ yếu sỏi, đá, cồn cát. - Thực vật cằn cỗi, động vật hiếm hoi chỉ có ở ốc đảo. 2. Sự thích nghi của thực, động vật đối với môi trường - Tự hạn chế sự thoát hơi nước. - Tăng khả năng dự trữ nước và dinh dưỡng...	20%
BÀI 21 MÔI TRƯỜNG ĐỚI LẠNH * Vị trí: nằm trong khoảng từ 2 vòng cực về 2 cực. Đới lạnh ở Bắc cực là đại dương, ở Nam cực là lục địa. 1. Đặc điểm của môi trường * Khí hậu: - Mùa đông lạnh kéo dài. - Mùa hè ngắn, nhiệt độ dưới 10oC. - Nhiệt độ TB năm < - 10oC - Lượng mưa ít, chủ yếu dưới dạng tuyết rơi, thường có bão tuyết. - Vùng biển lạnh, vào mùa hè có băng trôi và núi băng. =>Khí hậu lạnh giá quanh năm và vô cùng khắc nghiệt. 2. Sự thích nghi của thực vật và động vật với môi trường - Động vật: tuần lộc, chim cánh cụt, hải cẩu, gấu trắng... thích nghi với khí hậu lạnh nhờ có bộ lông dày không thấm nước hoặc lớp mỡ dày.	20%

- Một số động vật dùng hình thức ngủ đông hoặc di cư để tránh mùa đông lạnh. - Thực vật đặc trưng : rêu, địa y và một số loài cây thấp lùn.	
---	--

NỘI DUNG KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN: LỊCH SỬ 7

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TỈ LỆ</u>
Bài 7: NHỮNG NÉT CHUNG VỀ XÃ HỘI PHONG KIẾN <u>I.Sự hình thành và phát triển của xã hội phong kiến:</u> Học sinh tự học <u>II.Cơ sở kinh tế - xã hội của xã hội phong kiến:</u> - Kinh tế: nông nghiệp - Xã hội: + Phương Đông: có hai giai cấp địa chủ và nông dân + Phương Tây: có hai giai cấp lãnh chúa và nông nô - Phương thức bóc lột: bằng tô, thuế <u>III.Nhà nước phong kiến:</u> - Vua đứng đầu ->Thế chế nhà nước quân chủ chuyên chế. - Phương Đông: quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền - Châu Âu: phong kiến phân quyền	20%
Bài 10: NHÀ LÝ ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC <u>I.Sự thành lập nhà Lý:</u> - Năm 1009 Lê Long Đĩnh chết, triều Tiền Lê chấm dứt - Lý Công Uẩn được tôn lên làm vua, lập ra nhà Lý - Năm 1010 Lý Công Uẩn dời đô về Đại La và đổi tên là Thăng Long - Năm 1054 nhà Lý đổi tên nước là Đại Việt ❖ Tổ chức chính quyền: + <u>Trung ương:</u> Vua đứng đầu, dưới có quan Đại thần và các Quan văn, võ + <u>Địa phương:</u> cả nước chia 24 Lộ, dưới có Phủ, Huyện, Hương và xã <u>II.Luật pháp và quân đội:</u> 1. Luật pháp: - Năm 1042 nhà Lý ban hành bộ Hình thư (bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta) - Nội dung: bảo vệ vua, tài sản của nhân dân và sản xuất nông nghiệp 2. Quân đội: - Gồm cấm quân và quân địa phương - Thi hành chính sách “ngụ binh ư nông” - Gồm: quân thủy và quân bộ - Vũ khí: giáo mác, kiếm, cung tên.... 3. Ngoại giao: + Đối nội: gả công chúa cho các tù trưởng + Đối ngoại: bình thường với các nước láng giềng	20%
<u>Bài 13: NƯỚC ĐẠI VIỆT Ở THẾ KỶ XIII</u> <u>I/ NHÀ TRẦN THÀNH LẬP</u>	20%

<u>1.Nhà Lý suy đổ:</u> - Cuối thế kỉ XII nhà Lý suy yếu, quan lại ăn chơi - Kinh tế khủng hoảng, nhân dân đói khổ-> họ nổi dậy đấu tranh - Tháng 12/1226 Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho Trần Cảnh → Nhà Trần thành lập <u>2.Nhà Trần củng cố chế độ phong kiến tập quyền:</u> - Triều đình: + Vua đứng đầu, theo chế độ Thái Thượng Hoàng. + Các cơ quan: Quốc sử viện, Thái y viện, Tôn nhân phủ + Các chức quan: Hà đê sứ, Khuyến nông sứ, Đồn điền sứ - Các đơn vị hành chính trung gian: cả nước chia 12 lộ, - Cấp hành chính cơ sở: là xã <u>3.Pháp luật thời Trần:</u> - Ban hành bộ luật mới: Quốc triều hình luật nhằm bảo vệ quyền tư hữu và qui định mua bán ruộng đất - Đặt cơ quan Thẩm hình viện để xử kiện II/ NHÀ TRẦN XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ <u>1.Nhà Trần xây dựng quân đội và củng cố quốc phòng</u> - Quân đội : gồm có cấm quân và quân địa phương - Binh lính được học binh pháp và luyện tập thường xuyên - Chính sách ngụ binh ư nông - Cử tướng giỏi giữ vị trí quan trọng <u>2.Phục hồi và phát triển kinh tế:</u> a. Nông nghiệp: - Chú trọng khai hoang, đắp đê, nạo vét kênh mương... b. Thủ công nghiệp - Các nghề: gốm, dệt, đúc đồng, làm giấy, chế tạo vũ khí...rất phát triển... c. Thương nghiệp: - Mở nhiều chợ - Buôn bán với nước ngoài ở Hội Thống, Hội Triều và Vân Đồn	
<u>Bài 14</u> BA LẦN KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MÔNG – NGUYÊN (Thế kỉ XIII) I/ CUỘC KHÁNG CHIẾN LẦN THỨ NHẤT CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MÔNG CỔ (1258) <u>1.Âm mưu xâm lược Đại Việt của Mông Cổ:</u> Giảm tải <u>2. Nhà Trần chuẩn bị và tiến hành kháng chiến chống quân Mông Cổ:</u> a. Chuẩn bị của nhà Trần: - Sắm sửa vũ khí - Luyện tập ngày đêm b. Diễn biến:	20%

- Tháng 1- 1258 Ngột Lương Hợp Thai đem 3 vạn quân tiến vào xâm lược nước ta .
- Ta chặn đánh ở Bình Lệ Nguyên rồi rút về Thiên Mạc
- Nhà Trần thực hiện chủ trương “vườn không nhà trống”
- Giặc tiến vào Thăng Long gặp khó khăn, lực lượng tiêu hao dần
- Ta phản công lớn ở Đông Bộ Đầu.

c. Kết quả :

- Tháng 1.1258 quân Mông Cổ thua rút chạy về nước
- Cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi

II.CUỘC KHÁNG CHIẾN LẦN THỨ HAI CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC NGUYÊN (1285)

1.Âm mưu xâm lược Chăm-pa và Đại Việt của nhà Nguyên:

- Nhà Nguyên đánh Chăm-pa để làm bàn đạp tấn công phía nam Đại Việt.
- Năm 1283 Toa Đô tấn công Champa nhưng thất bại

2.Nhà Trần chuẩn bị kháng chiến:

- Tổ chức hội nghị: Bình Than và Diên Hồng để bàn kế đánh giặc
- Tập trận và diệt binh ở Đông Bộ Đầu, cử Trần Quốc Tuấn làm chỉ huy kháng chiến

3.Diễn biến và kết quả của cuộc kháng chiến

a. Diễn biến:

- Tháng 1.1285 Thoát Hoan đem 50 vạn quân xâm lược Đại Việt .
- > Ta lui về Vạn Kiếp, sau đó lui về Thăng Long rồi Thiên Trường
- thực hiện kế hoạch “ vườn không nhà trống”
- Giặc tiến hành kế hoạch” gọng kìm” nhưng thất bại
- Tháng 5/1285: nhà Trần tổ chức phản công ở Chương Dương, Tây Kết và Hàm Tử

b. Kết quả:

- Toa Đô bị chém đầu, Thoát Hoan chui vào ống đồng chạy về nước

III/ CUỘC KHÁNG CHIẾN LẦN THỨ BA CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC NGUYÊN (1287-1288). NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI VÀ Ý NGHĨA CỦA BA LẦN KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MÔNG – NGUYÊN

1.Nhà Nguyên xâm lược Đại Việt

- Để trả thù, nhà Nguyên quyết tâm xâm lược Đại Việt lần thứ ba
- Tháng 12.1287, 30 vạn quân Nguyên kéo vào nước ta
- + đường bộ: Thoát Hoan đánh vào Lạng Sơn, Bắc Giang
- +đường thủy: Ô Mã Nhi đánh vào hướng sông Bạch Đằng

→ hội quân ở Vạn Kiếp

2.Trận Vân Đồn tiêu diệt đồn thuyền lương của Trương Văn Hổ

- Trần Khánh Dư cho quân mai phục ở Vân Đồn.
- Kết quả: phần lớn thuyền lương bị đắm, số còn lại bị ta chiếm

3.Chiến thắng Bạch Đằng

- Tháng 1.1288 Thoát Hoan kéo vào Thăng long
- Ta thực hiện “vườn không nhà trống”
- Quân Nguyên tuyệt vọng rút về nước
- Ta quyết định chọn Bạch Đằng làm trận địa quyết chiến

- Kết quả:

- Toàn bộ quân thủy bị giết, Ô Mã Nhi bị bắt sống Thoát Hoan chạy về nước IV/ NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI VÀ Ý NGHĨA CỦA BA LẦN KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MÔNG – NGUYÊN 1. Nguyên nhân thắng lợi: - Nhân dân tham gia tích cực. - Nhà Trần chuẩn bị chu đáo về mọi mặt - Tinh thần hi sinh, quyết chiến của quân dân ta - Có chiến lược, chiến thuật đúng đắn, sáng tạo của bộ chỉ huy như Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Trần Khánh Dư <u>2. Ý nghĩa lịch sử</u> *Ý nghĩa đối với dân tộc: - Đập tan tham vọng và ý chí xâm lược Đại Việt của nhà Nguyên - Bảo vệ độc lập dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ - Xây đắp truyền thống quân sự Việt Nam - Để lại nhiều bài học vô cùng quý giá *Ý nghĩa đối với thế giới: - Góp phần ngăn chặn những cuộc xâm lược của quân Nguyên đối với Nhật Bản	
<u>Bài 15: SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ VĂN HÓA THỜI TRẦN</u> I. SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ 1. Tình hình kinh tế sau chiến tranh: a. Nông nghiệp: - Khuyến khích sản xuất, mở rộng diện tích - Nông nghiệp phục hồi và phát triển - Ruộng đất công làng xã nhiều - Các quý tộc lập điền trang, được vua ban thái ấp b. Thủ công nghiệp: - Rất phát triển , gồm các nghề: dệt gấm, đóng tàu....-> sản phẩm nhiều - Trình độ kĩ thuật càng cao c. Thương nghiệp: - Buôn bán trong và ngoài nước được mở rộng - Nhiều trung tâm kinh tế xuất hiện như Thăng Long, Vân Đồn <u>2. Tình hình xã hội sau chiến tranh</u> - Xã hội phân hóa ngày càng sâu sắc + Giai cấp thống trị: Vương hầu, quý tộc, địa chủ + Giai cấp bị trị: Nông dân, thợ thủ công, thương nhân, nô tì và nông nô II/ SỰ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ <u>1. Đời sống văn hóa</u>	20%

- Tín ngưỡng cổ truyền phổ biến (thờ cúng tổ tiên và các anh hùng dân tộc)
- Phật giáo, Nho giáo phát triển
- Các hình thức sinh hoạt văn hóa: ca hát, nhảy múa... phong phú

2.Văn học

- Gồm cả chữ Hán và chữ Nôm
- Phong phú, mang đậm bản sắc dân tộc như Hịch Tướng Sĩ của Trần Quốc Tuấn, Phú sông Bạch Đằng của Trương Hán Siêu

3.Giáo dục và khoa học-kĩ thuật:

- a. Giáo dục :
 - Mở nhiều trường
 - Thi cử tổ chức thường xuyên
- b. Khoa học kĩ thuật:
 - **Sử học**: lập Quốc sử viện. Năm 1272 bộ Đại Việt sử kí ra đời
 - **Quân sự**: có tác phẩm" Binh thư yếu lược" của Trần Hưng Đạo.
 - **Y học**: rất phát triển
 - **Kĩ thuật**: chế tạo được súng thần cơ, thuyền đi biển.
- 4. **Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc.**
 - Nhiều công trình kiến trúc mới: tháp Phổ Minh, thành Tây Đô
 - Nghệ thuật chạm khắc rất tinh tế

NỘI DUNG ÔN TẬP HK1 MÔN TOÁN LỚP 7

NỘI DUNG	TỈ LỆ PHẦN TRĂM
NỘI DUNG 1: THỰC HIỆN PHÉP TÍNH (TÍNH HỢP LÍ NẾU CÓ THỂ) - Cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ - Giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ - Cộng, trừ, nhân, chia số thập phân - Lũy thừa của một số hữu tỉ	27,27%
NỘI DUNG 2: TÌM X - Sử dụng các quy tắc tìm x - Tìm x dạng lũy thừa - Tìm x dạng giá trị tuyệt đối - Sử dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau	27,27%
NỘI DUNG 3: TOÁN THỰC TẾ - Bài toán về đại lượng tỉ lệ thuận - Bài toán về đại lượng tỉ lệ nghịch - Bài toán về thực tế cuộc sống - Phần trăm - Lãi	18,2%
NỘI DUNG 4: HÌNH HỌC PHẪNG - Hai góc đối đỉnh - Hai đường thẳng vuông góc - Các góc tạo bởi một đường thẳng cắt hai đường thẳng - Hai đường thẳng song song - Tiên đề O-clit về đường thẳng song song - Từ vuông góc đến song song - Tổng 3 góc của một tam giác - Trường hợp bằng nhau của tam giác c.c.c - Trường hợp bằng nhau của tam giác c.g.c	27,27%

NỘI DUNG ÔN TẬP
MÔN THỂ DỤC KHỐI 7– HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2021 – 2022

1. Nội dung ôn tập kiểm tra học kỳ 1:

- Khối 7: Kỹ thuật tư thế sẵn sàng xuất phát

2. Thời gian:

- Tuần 19 - 20 từ ngày 10 đến ngày 22 tháng 01 năm 2022.

3. Đáp án:

Lớp	Nội dung	Kỹ thuật	Ghi chú
6	Kỹ thuật tư thế sẵn sàng xuất phát	TƯ THẾ SẴN SÀNG - XUẤT PHÁT – Chuẩn bị : Hai bàn tay chống đất rộng bằng vai sát (mép sau) vạch xuất phát. Hai chân co, mũi bàn chân trước cách vạch xuất phát 1,5 bàn chân, bàn chân sau cách 3 bàn chân. Hai chân chạm đất bằng nửa trước bàn chân, mông nhô cao bằng vai, mắt nhìn trước cách vạch xuất phát 1 – 2m. – Động tác : Khi có lệnh, đạp chân sau, rồi đưa ra trước, sau đó đạp mạnh chân trước phối hợp với đánh tay tích cực (chân nọ, tay kia) để xuất phát và chạy lao. 	

Bình Thạnh, ngày ... tháng 01 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

NHÓM THỂ DỤC
NHÓM TRƯỞNG

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ I MÔN SINH HỌC 7

NỘI DUNG	TỈ LỆ PHẦN TRĂM
NỘI DUNG 1: Động vật nguyên sinh a. Trùng roi b. Trùng sốt rét và trùng kiết lị	5% 20%
NỘI DUNG 2: Ngành ruột khoang a. Vai trò ngành ruột khoang	10%
NỘI DUNG 3: Các ngành giun a. Sán lá gan b. Giun đốt c. Giun tròn	20% 5% 5%
NỘI DUNG 4: Ngành thân mềm a. Trai sông b. Đặc điểm chung ngành thân mềm	5% 20%
NỘI DUNG 5: Ngành chân khớp a. Tôm sông	10%

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ I MÔN SINH HỌC 8

NỘI DUNG	TỈ LỆ PHẦN TRĂM
NỘI DUNG 1: Khái quát về cơ thể người a. Tế bào b. Mô c. Phản xạ	5% 5% 5%
NỘI DUNG 2: Vận động a. Bộ xương b. Tiến hóa của hệ vận động. Vệ sinh hệ vận động	5% 5%
NỘI DUNG 3: Tuần hoàn a. Máu và môi trường trong cơ thể b. Bạch cầu – Miễn dịch c. Đông máu và nguyên tắc truyền máu d. Tim và mạch máu	5% 5% 5% 5%
NỘI DUNG 4: Hô hấp a. Hô hấp và các cơ quan hô hấp b. Hoạt động hô hấp	10% 5%
NỘI DUNG 5: Tiêu hóa a. Tiêu hóa ở khoang miệng b. Tiêu hóa ở dạ dày c. Tiêu hóa ở ruột non d. Hấp thụ chất dinh dưỡng và thải phân	10% 10% 10% 10%

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I MÔN SINH HỌC 9

NỘI DUNG	TỈ LỆ PHẦN TRĂM
NỘI DUNG 1: Các thí nghiệm của Mendel	
a. Lai một cặp tính trạng	5%
b. Lai hai cặp tính trạng	5%
NỘI DUNG 2: Nhiễm sắc thể	
a. Nhiễm sắc thể	5%
b. Nguyên phân – giảm phân – thụ tinh	10%
NỘI DUNG 3: ADN và gen	
a. ADN	5%
b. Mối quan hệ giữa gen và ARN	10%
c. Protein	10%
d. Mối quan hệ giữa gen và tính trạng	10%
NỘI DUNG 4: Biến dị	
a. Đột biến gen	15%
b. Chủ đề: Biến dị	15%
c. Thường biến	5%
NỘI DUNG 5: Di truyền học người	
a. Phương pháp nghiên cứu di truyền học	5%

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ 1
MÔN TIN HỌC

Môn: Tin Học 7

Nội Dung	Tỉ lệ phần trăm
Bài 2. Các thành phần chính và dữ liệu trên trang tính	20%
Bài 3. Thực hiện tính toán trên trang tính.	20%
Bài 4. Sử dụng các hàm để tính toán	30%
Bài 5. Thao tác với bảng tính	30%

TRƯỜNG THCS CỬU LONG
NỘI DUNG ÔN KIỂM TRA CUỐI KÌ - HKI

KHỐI 7:

NỘI DUNG: Văn bản, Tiếng Việt, Tập làm văn

Kiến thức từ tuần 9 đến hết tuần 14 và 20 % kiến thức từ tuần 01 đến tuần 08

Thời gian kiểm tra: 90 phút

Thời điểm: chờ chỉ đạo

NỘI DUNG	TỈ LỆ PHẦN TRĂM
1/ PHẦN ĐỌC -HIỂU VĂN BẢN VÀ TIẾNG VIỆT: 4.0 ĐIỂM *Văn bản và Tiếng Việt: từ tuần 9 đến hết tuần 14 và 20 % kiến thức từ tuần 01 đến tuần 08 -Đề bài cho 1 ngữ liệu trong SGK, trả lời câu hỏi đọc-hiểu ngữ liệu văn bản trên đề bài. *Văn bản: Cảnh khuya; Rằm tháng Giêng; Tiếng gà trưa; Một thứ quà của lúa non: Cốm; Mùa xuân của tôi; Sài Gòn tôi yêu. * Thực hành Tiếng Việt: Quan hệ từ; thành ngữ; điệp ngữ	40%
2/ PHẦN LÀM VĂN: 6 điểm Viết một bài văn có cấu trúc đủ 3 phần chính (MB-TB-KB) 2.1/ - Biểu cảm về người thân. 2.2/ - Biểu cảm về mái trường mến yêu.	60%

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ I MÔN VẬT LÝ 7

NỘI DUNG	TỈ LỆ PHẦN TRĂM
NỘI DUNG 1: Quang học	
a. Ánh sáng	10%
b. Gương	10%
NỘI DUNG 2: Âm học	
a. Nguồn âm	20%
b. Độ cao, độ to của âm	20%
c. Môi trường truyền âm	30%
d. Phản xạ âm - Tiếng vang	10%

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ I MÔN VẬT LÝ 8

NỘI DUNG	TỈ LỆ PHẦN TRĂM
NỘI DUNG 1: Lực a. Biểu diễn lực b. Lực ma sát	10% 10%
NỘI DUNG 2: Áp suất a. Áp suất b. Áp suất chất lỏng c. Máy nén thủy lực d. Áp suất khí quyển	25% 30% 5% 10%
NỘI DUNG 3: Acsimet a. Lực đẩy Acsimet	10%

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I MÔN VẬT LÝ 9

NỘI DUNG	TỈ LỆ PHẦN TRĂM
NỘI DUNG 1: Công suất điện a. Công suất điện - Điện năng b. Định luật Jun-Len xơ	20% 30%
NỘI DUNG 2: Từ trường a. Từ trường của nam châm, của ống dây có dòng điện chạy qua b. Sự nhiễm từ của sắt thép- Nam châm điện	30% 20%